|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: /2018/NQ-HĐND  (dự thảo) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2018* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tạm thời một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chỉnh phủ quy định chi tiết thỉ hành một so điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số........./ TTr-UBND ngày /11/2017 của UBND tỉnh về việc......................................; Báo cáo thẩm tra số....../BC-.........ngày..... tháng......năm 20.... của Ban............................ và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,*

**QUYẾT NGHỊ**

**Chương I:**

**CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,**

**NGƯỜI LAO ĐỘNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định về đối tượng, nội dung, kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW giai đoạn 2019-2021.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng sau tự nguyện nghỉ theo chính sách của tỉnh, được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản:

a) Cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Hội.

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và theo các quy định khác của pháp luật.

d) Người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các hội.

e) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại đơn vị, tổ chức được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ tiền lương, phụ cấp.

Điều 2. Chính sách chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP nhưng không được hỗ trợ về tiền:

1. Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 2, Điều 1 đồng thời thuộc đối tượng áp dụng, đủ điều kiện nghỉ tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP có tuổi đời từ 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, có nguyện vọng nghỉ việc **.**

2. Mức hỗ trợ:

a) Được trợ cấp 5 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ cho đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động**:

1. Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại tại Khoản 2, Điều 1 không thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP, nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, ngoài chính sách quy định nếu có nguyện vọng nghỉ việc được tỉnh hỗ trợ như sau:

2. Mức hỗ trợ:

a) Được trợ cấp 3 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm a Khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội;

b) Được trợ cấp 5 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

c) Từ năm 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

**Điều 4. Chính sách thôi việc ngay:**

1. Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại tại Khoản 2, Điều 1 có tuổi đời dưới dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP

2. Mức hỗ trợ:

+ Được trợ cấp 6 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

+ Được trợ cấp 1 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội;

+ Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ đào tạo lại.**

1. Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại tại Khoản 2, Điều 1 tuổi đời dưới 40 tuổi, có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật nhưng đang đảm nhận các công việc không phù hợp về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo lại để bố trí việc làm phù hợp.

2. Mức hỗ trợ:

a) Quyền lợi: áp dụng Khoản 1, Điều 37 của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

b) Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng nguyên lương, phụ cấp thâm niên nếu có;

c) Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo;

d) Được hỗ trợ tiền mua tài liệu bắt buộc;

e) Được hỗ trợ chi phí đi lại theo giá xe khách tại thời điểm đi học, có khoảng cách từ cơ quan đến nơi học tập từ 25 km trở lên, mỗi năm học hỗ trợ 2 lượt đi và về.

**Điều 6. Chính sách đối với đối tượng thuộc đơn vị, tổ chức được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ tiền lương, phụ cấp. (gọi chung là hợp đồng lao động)**

1. Điều kiện áp dụng

Hợp đồng lao động theo các văn bản sau:

a) Quyết định 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnhBan hành Quy định chế độ chính sách đối với giáo viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các trường mầm non công lập, bán công, dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời về giải quyết việc làm đối với con liệt sỹ, con thương binh nặng, con bệnh binh nặng trên địa bàn tỉnh

c) Quyết định 2531/QĐ-UBND ngày 28/08/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định hợp đồng sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sỹ ngành sư phạm giảng dạy tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh

d) Hợp đồng khác theo chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh.

2. Mức hỗ trợ:

a) 3 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

**Chương II:**

**CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Điều 7. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:**

1. Phạm vi điều chỉnh**:**

Quy định về đối tượng, nội dung, kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trương 6 khóa XII và Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ của các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã;

b) Công chức cấp xã của tất cả các xã, phường, thị trấn;

c) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tất cả các xã, phường, thị trấn.

**Điều 8. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã của các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã:**

1. Thời gian thực hiện: từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 (15 tháng).

2. Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ:

a) Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021, cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

- Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng[[1]](#footnote-1) (tính từ thời điểm cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm 31/3/2020).

- Được hỗ trợ một (1,0) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

b) Đối với cán bộ cấp xã trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 mà đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương (nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, nghỉ do hết tuổi lao động) và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ. Trong thời gian nghỉ chờ (số tháng nghỉ trước thời điểm phải nghỉ - đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ) cán bộ được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định. Trong trường hợp cán bộ không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi cán bộ đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

c) Đối với cán bộ cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 mà có nguyện vọng nghỉ công tác thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, chỉ được tỉnh hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đến thời điểm 31/3/2020).

**Điều 9. Chính sách đối với công chức cấp xã của tất cả các xã, phường, thị trấn:**

1. Thời gian thực hiện chính sách: từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 (36 tháng).

2. Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ:

a) Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 và bố trí số lượng công chức cấp xã lộ trình từ nay đến 2021 theo hướng giảm như tại Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công chức cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

- Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm công chức có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm 31/12/2021).

- Được hỗ trợ một (1,0) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

b) Đối với công chức cấp xã trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 mà đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ diều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương (nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, nghỉ thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, nghỉ do hết tuổi lao động) và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ. Trong thời gian nghỉ chờ (số tháng nghỉ trước thời điểm phải nghỉ - đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ) công chức được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định. Trong trường hợp công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

c) Đối với công chức cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 mà có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, chỉ được tỉnh hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm công chức có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đến thời điểm 31/12/2021).

**Điều 10. Chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách của tất cả các xã, phường, thị trấn:**

1. Thời gian thực hiện chính sách: từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 (07 tháng) đối với 262 xã, phường, thị trấn hiện có. Sau đó, tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021.

2. Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ:

a) Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 và bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã lộ trình từ nay đến 2021 theo hướng giảm như tại Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 đối với 262 xã, phường, thị trấn hiện có; tiếp tục kéo dài đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản thì được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

- Được hỗ trợ 10 tháng lương cơ sở (tính mức tiền lương cơ sở tại thời điểm 01/01/2019) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 30 tháng trở lên;

- Được hỗ trợ 05 tháng lương cơ sở (tính mức tiền lương cơ sở tại thời điểm 01/01/2019) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 03 tháng đến dưới 30 tháng;

b) Riêng đối với Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Trưởng Công an, Phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nếu đủ điều kiện được hưởng các chính sách thôi việc của Trung ương quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ mà mức hỗ trợ cao hơn hoặc bằng mức hỗ trợ của tỉnh thì chỉ nhận được hỗ trợ từ Trung ương; trong trường hợp mức hỗ trợ thôi việc của Trung ương thấp hơn mức hỗ trợ của tỉnh thì ngân sách tỉnh sẽ bù khoản hỗ trợ còn thiếu để bằng mức hỗ trợ ngân sách tỉnh.

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Kinh phí thực hiện**

1. Các đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên) do ngân sách tỉnh chi trả.

2 Các đối tượng thuộc các đơn vị tự chủ tài chính (Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị.

3. Cấp xã: sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước đã giao trong thời kỳ ổn định ngân sách của những ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, sáp nhập để giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư.

4. Căn cứ nguồn kinh phí theo dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng của UBND tỉnh, UBND cấp huyện Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chi trả cho các đối tượng theo quy định hiện hành.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, kỳ họp thứ ...thông qua ngày ... tháng ....năm .... và có hiệu lực từ ngày .... tháng... năm ...../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Ban Công tác đại biểu UBTVQH;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng chính phủ; Website chính phủ;  - Bộ Nội vụ;  - Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);  - TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng Tỉnh ủy;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Văn phòng HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;  -TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;  - TT Công báo – Tin học VP UBND tỉnh;  - Trang Thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. | CHỦ TỊCHLê Đình Sơn |

1. Tiền lương hiện hưởng là mức lương hiện hưởng theo chức vụ hoặc theo ngạch, bậc; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu, phụ cấp công tác Đảng có tính đóng BHXH (nếu có). [↑](#footnote-ref-1)